TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST Ngày: 31-3-2022 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ- TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nH dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích phượng

- Ông Dương Tấn Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng - Thư ký Tòa án nH dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TC, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TC, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 01 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày: Vào năm 1998, bà và ông Trần Văn C quen biết nhau qua tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý, bà và ông C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện CĐ, tỉnh Long An vào ngày 28 tháng 12 năm 2008. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C đi sà lan và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác và đã có con riêng cùng với người phụ nữ đó. Sau đó, đến năm 2011 ông C tiếp tục ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác, hiện nay bà H xác định ông C đang sống trực tiếp với người

phụ nữ quê ở Bến Tre. Bà có khuyên ông C rất nhiều lần nhưng ông C vẫn không thay đổi nên bà và ông C đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm đã không còn với ông C, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: Bà H và ông C có 04 người con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 23/10/1999; Trần T K, sinh ngày 29/10/2001; Trần Thị Yến V, sinh ngày 30/3/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày 11/01/2020. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con là cháu Yến V (có nguyện vọng sống với mẹ) và cháu Giàu (còn nhỏ) do 02 con chưa trưởng thành cần được sự tận tâm chăm sóc của người mẹ, bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi 02 con. Đối với 02 con chung là Trần Thanh T và Trần Tuấn K đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn C được Tòa án nhân dân huyện CĐ tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Văn C có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã TC, huyện CĐ được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp. Ông Trần Văn C là bị đơn hiện nay cư trú tại xã TC, huyện CĐ, tỉnh Long An nên khi bà H có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Bị đơn ông Trần Văn C được Tòa án nhân dân huyện CĐ tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C sau khi kết hôn thì chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông C ngoại tình và sống chung như vợ chồng với nhiều người phụ nữa khác nên đã thì ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Ông C đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án theo đơn khởi kiện ly hôn của bà H nhưng ông C không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ với bà H nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông C không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm

vào tình trạng trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông C có 04 người con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 23/10/1999; Trần Tuấn K, sinh ngày 29/10/2001; Trần Thị Yến V, sinh ngày 30/3/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày 11/01/2020. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con là cháu Yến V và cháu G do 02 con chưa trưởng thành cần được sự tận tâm chăm sóc của người mẹ và bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Yến V (có nguyện vọng sống với mẹ) và cháu G hiện đang còn nhỏ, để ổn định tâm lý phát triển bình thường, mặt khác bà H là mẹ có điều kiện chăm sóc, am hiểu tâm lý của con nên việc giao cháu Yến V và cháu G cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 02 con chung là Trần Thanh T và Trần Tuấn K đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên việc sống với cha hay mẹ là do cháu Tuấn và cháu K tự quyết định.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Trần Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: Có 04 người con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 23/10/1999; Trần Tuấn K, sinh ngày 29/10/2001; Trần Thị Yến V, sinh ngày 30/3/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày 11/01/2020. Khi ly hôn, bà H được quyền trực tiếp nuôi 02 con là Trần Ngọc Yến V và Trần Ngọc G. Ông C không phải

cấp dưỡng nuôi 02 con. Đối với Trần Thanh T và Trần Tuấn K đã trưởng thành nên việc sống với cha hay mẹ là do cháu Tuấn và cháu K tự quyết định tự.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nH và gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0005628 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, tỉnh Long An, bà H đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út

HỘI THẨM NH DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám